| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN AN MINH**<br>**TỈNH KIÊN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Bản án số: **41**/2018/HNGĐ-ST<br>Ngày: 28-9-2018<br>V/v Ly hôn, tranh chấp chia tài sản của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn và nợ khi ly hôn | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Mỹ Linh

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Hồ Thị Hoa

2. Ông Nguyễn Thanh Xuyên

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Cao Vũ Linh, Thư ký Toà án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Đông Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2018 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 126/2018/TLST-HNGĐ ngày 11-6-2018 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp chia tài sản của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn và nợ khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Đặng Thị Bé B**, sinh năm 1971

Địa chỉ: ấp 10 H, xã ĐH, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. Số điện thoại 0125.....

2. Bị đơn: Ông **Lê Văn G**, sinh năm 1972

Địa chỉ: ấp 10 H, xã ĐH, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. Số điện thoại 0125.....

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

**- Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam**

Địa chỉ: Số 18, Trần Hữu Dực, phường Mỹ Đình, quận Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Do ông Cao Văn B - Phó Giám đốc chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và

phát triển nông thôn huyện AM, địa chỉ: KP 2, TTT 11, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang đại diện theo Quyết định ủy quyền số 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19/6/2014 của Chủ tịch Hội đồng thành viên Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam và Quyết định số: 1109/QĐ-UQ ngày 11/9/2018 của Giám đốc chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện AM.

**- Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch huyện AM**

Địa chỉ: KP 3, TTT 11, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

Do ông Nguyễn Văn C1 - Giám đốc Phòng giao dịch huyện AM, địa chỉ: KP 3, TTT 11, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang đại diện theo Quyết định ủy quyền số 1401/QĐ-NHCS ngày 16/4/2012 của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam.

- Bà **Nguyễn Thị L1**, sinh năm 1965

Địa chỉ: ấp 10 C, xã ĐH, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang

- Bà **Trần Thị Hồng L2**, sinh năm 1960

- Bà **Nguyễn Thị X1**, sinh năm 1981

- Bà **Lê Thị Đ**

Cùng địa chỉ: ấp 10 H, xã ĐH, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang

- Bà **Nguyễn Thị X2**, sinh năm 1952

Địa chỉ: ấp AH, xã AMB, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

(các đương sự vắng mặt, nhưng đều đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại biên bản hòa giải ngày 11/9/2018, nguyên đơn Đặng Thị Bé B và bị đơn ông Lê Văn G cùng nhau thống nhất xác định:* Vợ chồng chung sống với nhau năm 1988 đến nay không đăng ký kết hôn. Cuộc sống vợ chồng thật sự hạnh phúc được khoảng hơn 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân từ việc làm ăn kinh tế của vợ chồng dẫn đến vợ chồng thiếu nợ nhiều người làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng thêm không thể nào hàn gắn đoàn tụ.

- Về con: Vợ chồng có 01 đứa con chung Lê Mỹ L3, sinh ngày 01/01/1994, hiện đã trưởng thành có gia đình và tự lao động sinh sống được;

- Về tài sản: Vợ chồng có những tài sản chung gồm:

+ 01 căn nhà xây tường ngang 7,7m x dài 12m, tọa lạc tại ấp 10 H, xã ĐH, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang và một số đồ dùng trong nhà;

+ Có 02 phần đất tổng cộng 15 công đất tầm 03 mét tọa lạc tại ấp 10 H, xã ĐH, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang đã được cấp 02 giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất do ông Lê Văn G đứng tên, trong đó: Phần đất thứ nhất có diện tích 04 công tầm 03 mét, vị trí: Hướng Đông giáp ông Huỳnh Văn S, hướng Tây giáp ông Lê Văn C2, hướng Nam giáp bà Lê Thị Đ, hướng Bắc giáp kênh HP; phần đất thứ hai có diện tích 11 công tầm 03 mét, vị trí: Hướng Đông giáp bà Lê Thị T1, hướng Tây giáp ông Tô Minh H, hướng Nam giáp ông Nguyễn Văn X3, hướng Bắc giáp ông Nguyễn Văn T2.

- Về nợ: Vợ chồng còn nợ những khoản nợ chung như sau:

+ Nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện AM 50.000.000 đồng tiền gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng;

+ Ngân hàng chính sách xã hội - Phòng giao dịch huyện AM 10.800.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng;

+ Nợ bà Trần Thị Hồng L2 99.500.000 đồng tiền hụi;

+ Nợ Nguyễn Thị L1 10.700.000 đồng tiền hụi;

+ Nợ bà Phạm Thị C3 1,5 chỉ vàng 24k, nhưng đã trả xong không còn nợ;

+ Nợ bà Nguyễn Thị X1 17.500.000 đồng;

+ Nợ bà Lê Thị Đ 20.000.000 đồng;

+ Nợ bà Nguyễn Thị X2 19.000.000 đồng.

*Do đó vợ chồng cùng thống nhất thỏa thuận:*

1. Về quan hệ hôn nhân: Thuận tình ly hôn;

2. Về quan hệ nuôi con chung: Con đã trưởng thành, có gia đình và tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

3. Về quan hệ tài sản chung và về quan hệ nợ chung: Yêu cầu Tòa án ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận phân chia tài sản và trách nhiệm trả nợ theo văn bản lập ngày 12/7/2018, cụ thể như sau:

- Phần ông Lê Văn G được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ tài sản chung của vợ chồng gồm:

+ 01 căn nhà xây tường ngang 7,7m x dài 12m, tọa lạc tại ấp 10 H, xã ĐH, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang và một số đồ dùng trong nhà;

+ 02 phần đất tổng cộng 15 công đất tầm 03 mét tọa lạc tại ấp 10 H, xã ĐH, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang đã được cấp 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Lê Văn G đứng tên, trong đó: Phần đất thứ nhất có diện tích 04 công tầm 03 mét, vị trí: Hướng Đông giáp ông Huỳnh Văn S, hướng Tây giáp ông Lê Văn C2, hướng Nam giáp bà Lê Thị Đ, hướng Bắc giáp kênh HP; phần đất thứ hai có diện tích 11 công tầm 03 mét, vị trí: Hướng Đông giáp bà Lê Thị T1, hướng Tây giáp ông Tô Minh H, hướng Nam giáp ông Nguyễn Văn X3, hướng Bắc giáp ông Nguyễn Văn T2.

- Ông Lê Văn G có trách nhiệm giao lại bà Đặng Thị Bé B số tiền 190.000.000đ (Một trăm chín mươi triệu đồng) là giá trị tài sản nêu trên, với

thời gian, số lượng và phương thức giao: Ngày 30/12/2018 âm lịch giao 100.000.000 đồng, ngày 30/5/2019 âm lịch giao 90.000.000 đồng.

Các diện tích đất nêu trên do ông Lê Văn G và bà Đặng Thị Bé B tự khai, nên sau khi Tòa án xét xử xong, bản án có hiệu lực pháp luật phần đất ông Lê Văn G được hưởng có diện tích đo đạc thực tế bao nhiêu thì tính bấy nhiêu.

Đồng thời, ông Lê Văn G nhận trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện AM 50.000.000 đồng tiền gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng; Ngân hàng chính sách xã hội - Phòng giao dịch huyện AM 10.800.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng; bà Trần Thị Hồng L2 99.500.000 đồng tiền hụi; bà Nguyễn Thị L1 10.700.000 đồng tiền hụi; bà Nguyễn Thị X1 17.500.000 đồng tiền mượn; bà Lê Thị Đ 20.000.000 đồng tiền mượn;

Bà Bé B nhận trách nhiệm trả nợ cho bà Nguyễn Thị X2 19.000.000 đồng.

** Tại biên bản hòa giải ngày 11/9/2018 những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

- Ông Cao Văn B là người đại diện cho Ngân hàng nông nghiệp xác định bà Bé B và ông G hiện còn nợ Ngân hàng 50.000.000 đồng tiền vay gốc và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng. Nay vợ chồng Bé B - G ly hôn, ông đại diện cho Ngân hàng cũng đồng ý với cách phân chia trách nhiệm trả nợ của Bé B - G, không khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Ông Nguyễn Văn C1 là người đại diện cho Ngân hàng chính sách xã hội xác định bà Bé B và ông G hiện còn nợ Ngân hàng 10.800.000 đồng tiền vay gốc và tiền lãi phát sịnh theo hợp đồng. Nay vợ chồng Bé B - G ly hôn, ông đại diện cho Ngân hàng cũng đồng ý với cách phân chia trách nhiệm trả nợ của Bé B - G, không khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Bà Nguyễn Thị L1 trình bày: Vợ chồng Bé B - G có tham gia góp hụi và hiện còn nợ bà 10.700.000 đồng đến nay chưa trả. Nay vợ chồng Bé B - G ly hôn, bà cũng đồng ý với cách phân chia trách nhiệm trả nợ của Bé B - G, không khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Bà Trần Thị Hồng L2 trình bày: Vợ chồng Bé B - G có tham gia góp hụi và hiện còn nợ bà 99.500.000 đồng đến nay chưa trả. Nay vợ chồng Bé B - G ly hôn, bà cũng đồng ý với cách phân chia trách nhiệm trả nợ của Bé B - G, không khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Bà Nguyễn Thị X1 trình bày: Vợ chồng Bé B - G có mượn của bà nhiều lần và hiện còn nợ bà 17.500.000 đồng đến nay chưa trả. Nay vợ chồng Bé B - G ly hôn, bà cũng đồng ý với cách phân chia trách nhiệm trả nợ của Bé B - G, không khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Bà Nguyễn Thị X2: Vợ chồng Bé B - G còn nợ của bà 19.000.000 đồng. Nay vợ chồng Bé B - G ly hôn, bà cũng đồng ý với cách phân chia trách nhiệm trả nợ của Bé B - G, không khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết

**** Tại phiên tòa*:**

- Tất cả các đương sự vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đều đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng nguyên đơn bà Đặng Thị Bé B, bị đơn ông Lê Văn G, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị X1, Nguyễn Thị X2 trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đối với người tham gia tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đại diện Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện AM, Trần Thị Hồng L2, Nguyễn Thị L1, Lê Thị Đ trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là chưa đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, cụ thể như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ nhất.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xem xét những vấn đề cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Đặng Thị Bé B và ông Lê Văn G; về quan hệ nuôi con chung: Hiện Lê Mỹ L3, sinh ngày 01/01/1994, hiện đã trưởng thành có gia đình và tự lao động sinh sống được và nguyên đơn, bị đơn không tranh chấp, yêu cầu gì nên không xem xét; về quan hệ tài sản chung và quan hệ nợ chung: Các đương sự trong vụ án đã thật sự tự nguyện thỏa thuận được với nhau, hơn nữa đã có văn bản yêu cầu ghi nhận sự thỏa thuận này, do đó đề nghị ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận phân chia tài sản và trách nhiệm trả nợ của các đương sự theo văn bản lập ngày 12/7/2018.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tư cách tham gia tố tụng: Khi gửi đơn khởi kiện nguyên đơn bà Đặng Thị Bé B xác định vợ chồng có nợ tài sản đối với bà Phạm Thị C3 nên Tòa án đã đưa bà C3 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, đồng thời thông báo hợp lệ đến bà. Tại biên bản hòa giải ngày 11/9/2018, giữa nguyên đơn bà Bé B và bị đơn ông Lê Văn G xác định đã trả nợ xong cho bà C3 và bà C3 cũng đã có ý kiến bằng văn bản thể hiện đúng việc này. Do đó, sau khi hòa giải Toà án đã xác định được bà Phạm Thị C3 không liên quan gì trong vụ án này, nên không đưa bà C3 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi hòa giải không thành, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập cho các đương sự trong vụ án. Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có đơn đề nghị

xét xử vắng mặt nên HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị Bé B và ông Lê Văn G chung sống với nhau từ năm 1988, nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền (UBND xã). Như vậy là vi phạm quy định về đăng ký kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986. Đến khi có Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 (có hiệu lực ngày 01-01-2001), các cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã có nhiều văn bản quy định, hướng dẫn việc đăng ký kết hôn đối với những trường hợp như ông, bà trong thời gian hai năm *(từ ngày 01-01-2001 đến ngày 01-01-2003)* nhưng ông, bà vẫn không thực hiện. Cho đến khi có Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 (có hiệu lực ngày 01-01-2015) và thực tế từ khi có đơn yêu cầu xin ly hôn của bà Bé B và cho đến nay ông, bà vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó, nay bà Bé B có yêu cầu ly hôn, thì theo quy định tại khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án sẽ quyết định bằng bản án tuyên bố không công nhận hai người là vợ chồng.

- Về quan hệ nuôi con chung: Giữa bà Đặng Thị Bé B và ông Lê Văn G đã cùng nhau thống nhất xác định, vợ chồng có 01 đứa con chung tên Lê Mỹ L3, sinh ngày 01/01/1994 đã trưởng thành có gia đình, tự lao động sinh sống được không yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét.

- Về quan hệ tài sản chung: Khi gửi đơn khởi kiện bà Đặng Thị Bé B xác định vợ chồng có tài sản chung và yêu cầu Tòa án giải quyết như sau: Vợ chồng có 01 căn nhà xây tường ngang 7,7m x dài 12m, tọa lạc tại ấp 10 H, xã ĐH, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang trị giá nhà và một số đồ dùng trong nhà là 200.000.000 đồng; 15 công đất tọa lạc tại ấp 10 H, xã ĐH, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang đã được cấp 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông G đứng tên.

Khi ly hôn, yêu cầu chia đôi: Mỗi người 7,5 công đất nêu trên; đối với căn nhà giao cho ông G sử dụng nên ông G thối lại cho bà 50% giá trị là 100.000.000 đồng;

Tuy nhiên, ngày 12/7/2018 giữa bà Bé B với ông G đã có văn bản thỏa thuận phân chia tài sản nên đến ngày Tòa án tổ chức phiên hòa giải thì ông bà yêu cầu Tòa án ghi nhận sự tự thỏa thuận này của vợ chồng và cho đến tại phiên tòa hôm nay không ai thay đổi về sự thỏa thuận đó. HĐXX xét thấy, đây là sự tự nguyện thỏa thuận giữa các đương sự và không trái pháp luật nên cần ghi nhận.

Các diện tích đất nêu trên do ông Lê Văn G và bà Đặng Thị Bé B tự khai, nên sau khi Tòa án xét xử xong, bản án có hiệu lực pháp luật phần đất ông Lê Văn G được hưởng có diện tích đo đạc thực tế Bo nhiêu thì tính bấy nhiêu.

- Về quan hệ nợ chung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày thừa nhận của các đương sự, xác định được hiện nay bà Đặng Thị Bé B và ông Lê Văn G còn nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông

thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện AM 50.000.000 đồng tiền gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng; Ngân hàng chính sách xã hội - Phòng giao dịch huyện AM 10.800.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng; bà Trần Thị Hồng L2 99.500.000 đồng tiền hụi; bà Nguyễn Thị L1 10.700.000 đồng tiền hụi; bà Nguyễn Thị X1 17.500.000 đồng tiền mượn; bà Lê Thị Đ 20.000.000 đồng tiền mượn; bà Nguyễn Thị X2 19.000.000 đồng.

Đồng thời, ông Cao Văn B đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh huyện AM, tỉnh Kiên Giang, ông Nguyễn Văn C1 đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch huyện AM, bà Trần Thị Hồng L2, bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Thị X1, bà Lê Thị Đ, bà Nguyễn Thị X2 cũng đã có ý kiến xác định và thống nhất số lượng nợ cũng như cách phân chia trách nhiệm trả nợ đúng như ý kiến của bà Bé B, ông G nêu trên. Thấy rằng, tuy các chủ nợ không có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc bà Bé B, ông G còn nợ đối với họ trong cùng vụ án xin ly hôn giữa bà Bé B và ông G, nhưng các chủ nợ cũng đồng ý theo cách phân chia trách nhiệm trả nợ mà bà Bé B và ông G đã thỏa thuận với nhau và có yêu cầu Tòa án ghi nhận. Vì vậy, cần ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên về phần này để làm cơ sở thực hiện quyền và nghĩa vụ giữa các bên đối với nhau về sau. Nếu có phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết thành một vụ việc khác.

- Về án phí: Nguyên đơn bà Đặng Thị Bé B có đơn yêu cầu xin ly hôn nên bà Bé B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

Áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Bn thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

*Tuyên xử:*

1 - Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Đặng Thị Bé B và ông Lê Văn G.

2 - Về quan hệ nuôi con chung: Các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

3 - Về quan hệ tài sản chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bà Đặng Thị Bé B và ông Lê Văn G theo văn bản lập ngày 12/7/2018, cụ thể như sau:

- Phần ông Lê Văn G được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ tài sản chung của vợ chồng gồm:

+ 01 căn nhà xây tường ngang 7,7m x dài 12m, tọa lạc tại ấp 10 H, xã ĐH, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang và một số đồ dùng trong nhà;

+ 02 phần đất tổng cộng 15 công đất tầm 03 mét tọa lạc tại ấp 10 H, xã ĐH, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang đã được cấp 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Lê Văn G đứng tên, trong đó: Phần đất thứ nhất có diện tích 04 công tầm 03 mét, vị trí: Hướng Đông giáp ông Huỳnh Văn S, hướng Tây giáp ông Lê Văn C2, hướng Nam giáp bà Lê Thị Đ, hướng Bắc giáp kênh HP; phần đất thứ hai có diện tích 11 công tầm 03 mét, vị trí: Hướng Đông giáp bà Lê Thị T1, hướng Tây giáp ông Tô Minh H, hướng Nam giáp ông Nguyễn Văn X3, hướng Bắc giáp ông Nguyễn Văn T2.

- Ông Lê Văn G có trách nhiệm giao lại bà Đặng Thị Bé B số tiền 190.000.000đ (Một trăm chín mươi triệu đồng) là giá trị tài sản nêu trên, với thời gian, số lượng và phương thức giao: Ngày 30/12/2018 âm lịch giao 100.000.000 đồng, ngày 30/5/2019 âm lịch giao 90.000.000 đồng.

4 - Về quan hệ nợ chung: Ghi nhận sự tự thỏa thuận giữa bà Đặng Thị Bé B, ông Lê Văn G, ông Cao Văn B đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh huyện AM, tỉnh Kiên Giang, ông Nguyễn Văn C1 đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch huyện AM, bà Trần Thị Hồng L2, bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Thị X1 17.500.000 đồng, bà Lê Thị Đ, bà Nguyễn Thị X1 theo văn bản lập ngày 12/7/2018, cụ thể như sau:

- Ông Lê Văn G nhận trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện AM 50.000.000 đồng tiền gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng; Ngân hàng chính sách xã hội - Phòng giao dịch huyện AM 10.800.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng; bà Trần Thị Hồng L2 99.500.000 đồng tiền hụi; bà Nguyễn Thị L1 10.700.000 đồng tiền hụi; bà Nguyễn Thị X1 17.500.000 đồng tiền mượn; bà Lê Thị Đ 20.000.000 đồng tiền mượn;

- Bà Bé B nhận trách nhiệm trả nợ cho bà Nguyễn Thị X2 19.000.000 đồng.

5 - Về án phí: Do các đương sự có văn bản tự thỏa thỏa thuận với nhau trước khi Tòa án tiến hành hòa giải và chỉ yêu cầu Tòa án ghi nhận lại sự tự nguyện thỏa thuận đó mà không yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia về tài sản chung, về nợ chung nên các đương sự không phải chịu án phí đối với phần này.

Bà Đặng Thị Bé B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn là **300.000** đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 8.423.000 đồng theo biên lai số 0008772 ngày 01 tháng 6 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Minh; bà Bé B được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là **8.123.000** đồng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28/9/2018), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***
*- Toà án tỉnh KG;*
*- VKS huyện, tỉnh;*
*- Các Đ/s;*
*- Chi cục THADS huyện;*
*- Lưu (HSVA, VPTA).*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

***Phạm Thị Mỹ Linh***